



Hai Bờ Nỗi Nhớ

T. Nguyen

Buổi sáng ở xóm Thông Giồng thường bắt đầu bằng tiếng máy nổ của máy chiếc ghe chở cá chạy ngang con sông nhỏ. Nhưng trong căn nhà ngói đỏ của ông Ba Dinh, buổi sáng bắt đầu bằng sự im lặng. Một thứ im lặng dày như sương sớm, phủ lên từng viên gạch, từng cánh cửa, từng hơi thở. Căn nhà rộng đến mức tiếng dép của ông vang lên nghe như vọng từ đâu xa lắm.

Ông quen sống một mình đến mức đôi khi quên mất mình từng có vợ, từng có con, từng có những bữa cơm đông đủ. Ông Ba giàu theo kiểu miền Tây: đất ruộng mấy chục công, vườn trái cây trĩu quả, lúa mỗi mùa thu hoạch đầy kho. Nhưng giàu mà cô độc thì cũng như ghe lớn mà không người chèo trôi đâu thì trôi, chẳng ai buồn để ý. Tuy giàu nhưng mỗi ngày ông chèo chiếc ghe đi quanh vùng mua trái cây đem ra chợ Sadech bán cho bạn hàng bán lẻ. Ông làm không phải vì tiền mà cho quên đi cái cô đơn đang bám theo ông năm này qua năm nọ. Vợ ông mất đã hơn mười năm. Ngày bà mất, trời mưa tầm tã, nước sông dâng cao, lục bình trôi đầy mặt nước. Ông đứng bên quan tài, không khóc. Người ta tưởng ông cứng cõi. Nhưng thật ra, ông đau đến mức nước mắt cũng không tìm được đường để chảy.

Con cái ông một bầy năm sáu đứa, lớn hết rồi, có chồng có vợ mỗi đứa một nơi. Chúng thương ông theo kiểu của người bận rộn: Gửi tiền về đều đặn, gọi điện hỏi thăm vài câu, rồi cúp máy nhanh như sợ ông kể lể. Ông Ba quen với sự vắng mặt đến mức đôi khi nghe tiếng chó sủa ngoài sân, ông giật mình tưởng con cái về. Nhưng mở cửa ra, chỉ thấy gió thổi qua hàng cau, lá rơi lả tả. Buổi chiều, ông hay ra ngồi ở bến sông sau nhà. Nước sông Hậu Giang chảy lững lờ, mang theo những mảng lục bình tím. Ông nhìn chúng trôi mà thấy giống đời mình: trôi hoài, không biết sẽ dạt vào đâu. Có những đêm, ông nằm trên chiếc giường rộng, nghe tiếng mưa rơi trên mái ngói. Mưa miền Tây rơi dai, rơi buồn, rơi như muốn nhắc người ta nhớ lại những điều đã mất. Ông nhớ vợ. Nhớ cái dáng nhỏ nhắn của bà khi đứng bên bếp lửa. Nhớ tiếng bà cần nhần mỗi khi ông uống rượu, hút thuốc hơi cả nhà. Nhớ cả những lần cãi nhau rồi lại làm hòa. Nhưng ký ức cũng như nước mưa rơi xuống rồi thấm vào đất, không giữ được bao lâu.

Ông Ba không phải người hay than thở. Ông sống lặng lẽ, làm việc lặng lẽ, già đi lặng lẽ. Nhưng có những buổi chiều, khi mặt trời đỏ rực như trái gấc, ông thấy lòng mình trống rỗng đến mức muốn gọi tên ai đó, bất kỳ ai chỉ để nghe tiếng mình vang lên trong không gian. Nhưng ông không gọi. Vì ông biết chẳng ai trả lời. Cái cô đơn của người giàu không giống cái cô đơn của người nghèo. Người nghèo cô đơn vì thiếu người. Người giàu cô đơn vì thiếu tình. Mà tình thì không mua được bằng tiền.

Một buổi sáng, ông Ba chèo ghe ra vườn quýt để hái trái. Trời trong veo, gió nhẹ, nước sông lăn tăn như mặt gương. Ông nhìn bóng mình dưới nước một ông già tóc bạc, lưng hơi còng, mắt mờ dần theo năm tháng. Ông tự hỏi: "*Mình sống để làm gì nữa?*" Câu hỏi đó theo ông suốt cả buổi sáng, suốt cả buổi trưa, suốt cả buổi chiều. Nó nằm trong lòng ông như một cục đá, nặng mà không ai thấy. Cho đến một ngày, khi ông ghé mua bánh ở cuối xóm... ông gặp lại người đàn bà mà ông từng thương hỏi còn trai trẻ. Và từ đó, cuộc đời ông bắt đầu đổi hướng như con nước bất ngờ chuyển dòng.

Ở cuối xóm Rạch Miếu có bà Tư Hường. Thiệt ra tên bà là Hồng nhưng nghe nói kỳ húy với ông vua nào ở Huế nên đổi là Hường, 2 màu cũng gần giống nhau. Bà cũng gần 60, làm đủ loại bánh dân giã miền tây, ăn vô là ghiền. Bà đang sống trong căn nhà lá xiêu vẹo cùng hai đứa cháu ngoại. Ba nó bỏ theo vợ bé ngoài miền trung, mẹ gửi con đi lao động ở nước ngoài, nghe nói xa lắm, phải đi máy bay mới tới. Nhà bà nằm sát mé sông, chỉ cần mưa lớn một đêm là nước tràn vào. Vách lá chỗ nào cũng có lỗ thủng, được vá bằng bao xi măng, bằng áo cũ, bằng bất cứ thứ gì có thể che gió. Nhưng bà không than. Người nghèo mà than thì chỉ thêm mệt.

Bà Tư nghèo, nhưng nghèo theo kiểu... nghèo riết thành quen rồi không nhớ mình nghèo. Bà không nhớ mình bắt đầu nghèo từ khi nào, có lẽ từ lúc chồng bỏ đi theo người đàn bà khác. Có lẽ từ lúc con gái bà lấy chồng rồi bị chồng đánh đập rồi bỏ xứ đi làm ăn xa. Bà chỉ còn hai đứa cháu. Chúng là lý do duy nhất khiến bà còn đứng vững. Bà gói bánh tét, bánh ít, bánh da lợn, thứ nào cũng ngon. Người ta nói bánh của bà có cái vị

“đằm”, cái vị “tinh”, cái vị “chịu thương chịu khó”. Nhưng ngon thì ngon, lờ thì chẳng bao nhiêu. Có ngày bán ế, bà phải đem bánh về cho tụi nhỏ ăn thay cơm.

Bà nghèo, nhưng bà kiêu hãnh. Kiêu hãnh theo kiểu người miền Tây: không xin ai, không nhờ ai, không để ai thương hại. Bà từng nói với hàng xóm: “*Còn cái tay này, cái lưng này, tui còn sống được.*” Người ta thương bà, nhưng cũng thương kiểu... xa xa. Nghèo quá, ai cũng sợ bị kéo theo. Nhưng bà không cho phép mình gục. Người đàn bà từng bị đời đập, từng bị chồng phản bội, từng bị họ hàng xem thường... giờ chỉ còn lại một thứ để giữ: lòng tự trọng.

Nhưng có một nỗi đau mà bà không bao giờ nói ra: bà từng yêu một người đàn ông... yêu đến mức cả đời không quên. Người đó giàu. Bà nghèo. Người đó bị gia đình cấm cản. Bà bị đời xô đẩy. Người đó lấy vợ. Bà lấy chồng. Hai người trôi qua nhau như hai con nước ngược dòng, mỗi người một hướng. Bà tưởng mình đã quên. Nhưng thật ra, bà chỉ cất nó vào một góc sâu nhất của lòng, nơi không ai chạm tới. Cho đến một buổi chiều, khi bà đang nhóm bếp, khói bay lên mờ mịt, thì có tiếng chân bước vào sân. Bà ngẩng lên. Ông Ba Dinh đứng đó, tay cầm cái nón lá, áo ướt mưa, nụ cười hiền như hồi còn trai trẻ. Trong khoảnh khắc đó, bà nghe tim mình đập lại một nhịp mà bà tưởng đã mất từ lâu.

Buổi chiều hôm đó, trời đổ mưa lất phất. Mưa miền Tây không ào ào như mưa miền núi, cũng không lạnh buốt như mưa miền Bắc. Nó rơi chậm, rơi buồn, rơi như thể muốn nhắc người ta nhớ lại những điều đã cũ. Ông Ba Dinh chèo chiếc ghe tam bản cũ kỹ dọc con rạch nhỏ, ghé từng nhà mua trái cây như mọi ngày. Nhưng khi đến cuối xóm, nơi có căn nhà lá xiêu vẹo của bà Tư Hoàng, ông dừng lại lâu hơn thường lệ. Không phải vì ông cần mua bánh, mà vì... ông không biết mình đang tìm gì. Có lẽ là một hơi ấm. Có lẽ là một tiếng người. Có lẽ là một thứ gì đó mà ông đã đánh mất từ hồi còn trẻ.

Bà Tư đang nhóm bếp. Khói bay lên, hòa vào mùi lá chuối, mùi nếp, mùi nước dừa. Mùi ấy làm ông Ba nhớ lại một thời xa lắc xa lơ, cái thời ông còn trai trẻ, còn biết đồ mặc khi nhìn một người đàn bà mặc áo bà ba chạt nít. Ông đứng trước hiên nhà, tay cầm cái nón lá, áo ướt mưa. Bà Tư ngẩng lên, nhìn ông một lúc lâu. Ánh mắt bà không còn trong như hồi trẻ, nhưng vẫn có cái gì đó khiến ông Ba thấy tim mình đập lệch một nhịp. Bà không nói gì. Ông cũng không nói gì. Chỉ có tiếng mưa rơi trên mái lá, tiếng củi nổ lách tách, và tiếng tim hai người già đập lại một nhịp mà họ tưởng đã mất từ lâu.

Ông Ba nhìn quanh căn nhà lá. Vách thủng, mái dột, nền đất ẩm ướt. Hai đứa cháu ngoại của bà ngủ co ro trên chiếc giường tre. Cảnh nghèo đập vào mắt ông như một cú tát. Không phải vì ông chê nghèo. Mà vì ông thấy bà đã chịu quá nhiều. Ông nhớ hồi trẻ, bà Tư là cô gái đẹp nhất xóm. Da trắng, tóc dài, mắt cười như nắng. Ông thương bà đến mức chỉ cần nghe tiếng guốc của bà là tim ông đập loạn. Nhưng ông giàu, bà nghèo. Cha mẹ ông nói một câu như dao chém vào tim: “*Con gái nghèo không xứng.*” Ông nghe lời. Bà lặng lẽ rời đi. Hai người trôi qua nhau như hai con nước ngược dòng. Giờ gặp lại, ông thấy bà già đi nhiều. Lưng hơi còng, tóc bạc lấm tấm, đôi tay gân guốc vì gói bánh suốt mấy chục năm. Nhưng trong mắt ông, bà vẫn là người đàn bà mà ông từng thương, thương đến mức cả đời không quên.

Bà Tư nhìn ông, ánh mắt thoáng chút ngạc nhiên, chút bối rối, chút gì đó giống như... sợ. Sợ quá khứ quay lại. Sợ trái tim mình yếu mềm. Sợ cái nghèo của mình làm người ta khinh. Nhưng bà không quay đi. Bà đứng đó, tay còn dính bột nếp, nhìn ông như nhìn một bóng hình cũ vừa bước ra từ giấc mơ. Ông Ba cười nhẹ, nụ cười hiền như hồi còn trai trẻ. “*Tư còn bán bánh không?*” Bà gật đầu, không nói. Ông mua một đòn bánh tét, dù ông biết mình không ăn nổi hết. Ông chỉ muốn có cái gì đó đứng đó lâu hơn. Khi ông quay đi, bà nhìn theo. Không phải nhìn kiểu tò mò. Mà là kiểu nhìn của người từng thương ai đó rất nhiều... và tưởng rằng mình đã quên. Nhưng hóa ra, có những thứ không bao giờ quên được. Nó chỉ nằm im, chờ một buổi chiều mưa, chờ một tiếng chân quen, chờ một ánh mắt cũ rồi sống lại.

Từ hôm đó, ông Ba ghé nhà bà thường xuyên hơn. Khi thì mua bánh. Khi thì đem mớ cá rô đồng mới câu. Khi thì chỉ đứng trước hiên, nói vài câu chuyện trời đất. Không ai nói ra, nhưng ai cũng biết: cái duyên xưa đang trở lại. Nhưng duyên trở lại không có nghĩa là đời sẽ dễ dàng. Nhất là khi một người giàu, một người nghèo. Nhất là khi định kiến còn nặng hơn nước lũ. Nhất là khi quá khứ chưa kịp lành, thì hiện tại đã bắt đầu rách. Xóm Thông Giông này nhỏ như cái nia, chuyện gì cũng lan nhanh hơn nước lũ. Chỉ cần một người thấy ông Ba ghé nhà bà Tư ba buổi liền, là cả xóm biết ngay trong vòng nửa ngày. Mà biết rồi thì đâu có dễ yên. Người miền Tây hiền, nhưng cái miệng thì ngọt như mía mà bén như dao.

Buổi sáng, khi bà Tư bưng rổ bánh ra chợ Long Thành, mấy bà bán cá đã nhìn nhau cười mỉm. Không phải cười vui. Mà là cái cười nửa miệng, kiểu “*tui biết chuyện rồi nghe*”. Một bà nói nhỏ, nhưng đủ lớn để bà Tư nghe: “*Già rồi mà còn bày đặt*”. Bà khác thêm vào: “*Con gái nghèo mà quen đàn ông giàu, coi chừng người ta nói lợi dụng*”. Bà Sáu nhiều chuyện miệng nhai trầu nhồm nhẻm cười khẩy: “*Tui nói thiệt, đàn ông giàu để dụ lắm. Nhất là mấy ông già cô đơn*”. Bà nói vậy chứ bà có dụ được ai đâu? Mấy câu nói đó không có dao, nhưng cửa vô lòng bà Tư từng chút một. Bà không quay lại cãi. Bà chỉ cúi đầu, bày bánh lên sạp, tay run nhẹ. Bà quen bị đời nói rồi. Nhưng lần này, nó đau theo kiểu khác. Đau vì bà biết người ta đang nói về ông Ba. Còn ông Ba thì bị xâm xì theo kiểu khác. Đàn ông trong xóm gặp ông là hỏi: “*Nghe nói ông Ba có bồ hả? “Bà Tư nghèo dữ lắm nghe, ông cẩn thận”, “Già hết pin rồi còn ham chi nữa”*

Ông về nhà, ngồi xuống bộ ván gỗ, nhìn ra sân. Trời chiều đỏ rực, gió thổi qua hàng cau, lá rơi lả tả. Ông thấy lòng mình nặng như có ai đặt lên đó một bao lúa. Ông không sợ người ta cười. Ông chỉ sợ bà Tư nghe rồi buồn. Mà bà Tư thì nghe hết. Nghe từng câu, từng chữ, từng tiếng thở dài của người ta. Buổi tối, khi hai đứa cháu ngủ, bà ngồi bên bếp lửa, nhìn ngọn lửa leo lét. Bà nhớ lại hồi trẻ, cũng từng bị người ta nói. Nói bà nghèo. Nói bà không xứng. Nói bà không đủ tốt cho người đàn ông bà thương. Giờ già rồi, tưởng đâu đời bớt nghiệt ngã. Ai dè nó vẫn vậy. Vẫn lấy cái nghèo ra để đo giá trị con người. Bà Tư thờ dài. Một tiếng thở dài dài như con nước ròng. Bà tự hỏi: “*Minh thương người ta... là sai sao?*” Nhưng bà không dám trả lời, vì bà biết định kiến là thứ không ai thắng nổi. Và xóm Rạch Miễu sau mấy ngày xâm xì rồi cũng quên đi như con nước lớn nước ròng vậy mà.

Tin ông Ba Đình “quen” bà Tư Hường lan đến tai mấy đứa con nhanh hơn tin anh Việt kiều về làng. Không phải vì chúng quan tâm đến cha, mà vì... hàng xóm gọi điện báo. Ở miền Tây, chuyện nhà người ta đôi khi được quan tâm hơn chuyện nhà mình. Đứa lớn từ Sài Gòn chạy về ngay trong ngày. Nó làm kế toán, quen tính toán từng đồng, từng cắc. Nó nhìn đời bằng con mắt của người sợ mất mát, sợ rủi ro, sợ người ta cười. Vừa bước vào nhà, nó đã hỏi thẳng:

- Ba quen ai vậy?

Ông Ba đang ngồi uống trà, tay run nhẹ. Ông không trả lời ngay. Không phải vì ông sợ. Mà vì ông biết... nói ra cũng chẳng thay đổi được gì. Thành Hai nói tiếp, giọng gắt hơn:

- Con nghe người ta nói ba quen... bà Tư Hường phải hông?

Ông Ba đặt chén trà xuống, nhìn ra sân ông nói nhỏ: “*Ừ*”. Chỉ một chữ nhưng nó đủ để Thành Hai nổi giận.

- Ba nghĩ sao vậy? Ba già rồi ba biết không? Ba quen ai người ta cũng nói, nhưng quen người nghèo... người ta cười vô mặt tụi con!

Ông Ba im lặng. Không phải vì ông không có gì để nói. Mà vì ông biết nói ra cũng vô ích. Chiều hôm đó, đứa thứ hai, con gái ông từ Cần Thơ về. Nó là giáo viên, nói năng nhẹ nhàng, nhưng cái nhẹ nhàng đó đôi khi còn đau hơn tiếng quát. Nó ngồi xuống cạnh ông, nắm tay ông, giọng nhỏ nhưng sắc:

- Ba... ba quen ai cũng được. Nhưng ba quen người nghèo, người ta nói ba bị lợi dụng. Ba nghĩ coi tụi con sống sao?

Ông Ba nghe mà lòng đau như bị ai bóp nghẹt. Không phải vì con cái phản đối. Mà vì chúng nghĩ bà Tư là người xấu mới chết chứ, khổ thiệt. Chúng không biết bà từng nghèo đến mức phải ăn cơm chan nước mưa. Chúng không biết bà từng bị chồng bỏ, từng bị đời đập, từng nuôi hai đứa cháu bằng đôi tay gân guốc. Chúng không biết bà là người tử tế nhất mà ông từng gặp. Nhưng chúng không cần biết. Chúng chỉ cần giữ cái danh dự mà chúng nghĩ là quan trọng. Và trong đêm đó, lần đầu tiên sau nhiều năm, ông Ba khóc. Không phải khóc vì con cái. Mà khóc vì ông biết cơn giông thật sự đang tới.

Từ ngày xóm bắt đầu xâm xì, bà Tư Hường thấy lòng mình nặng như có ai đặt lên đó một bao lúa 50 ký. Không phải vì bà sợ người ta nói. Người nghèo như bà, bị nói quen rồi. Cái nghèo nó dạy người ta chịu đựng từ hồi còn trẻ. Nhưng lần này, bà sợ theo kiểu khác. Sợ sâu. Sợ dài. Sợ đến mức đêm nằm nghe tiếng mưa rơi mà tim cũng nhói. Bà sợ ông Ba bị mang tiếng vì mình.

Buổi chiều, bà ngồi trước hiên nhà, nhìn con sông nhỏ chảy lững lờ. Lục bình trôi từng mảng, tím nhạt, lặng lẽ như những linh hồn không nơi nương tựa. Bà nhìn mà thấy giống đời mình: trôi hoài, trôi mãi, không biết sẽ dạt vào đâu. Và trong đêm đó bà quyết định rời xa ông, không phải vì hết thương, mà vì thương quá nhiều. Chiều hôm đó, mây kéo thấp, nặng trĩu, như thể sắp đổ xuống một cơn mưa không chỉ ướt đất mà còn ướt cả

lòng người. Con rạch nhỏ trước nhà bà Tư lặng như tờ, chỉ có vài mảng lục bình tím trôi lờ lờ, va vào nhau nghe khẽ như tiếng thở dài. Bà Tư đứng ở bến sông, tay nắm chặt vạt áo bà ba đã sờn. Bà đứng đó lâu lắm, lâu đến mức đôi chân tê rần, nhưng bà không nhúc nhích. Bà sợ nếu mình quay vào nhà, mình sẽ đổi ý. Mà đổi ý thì bà sẽ làm khổ ông Ba thêm nữa. Gió thổi qua, mang theo mùi bùn non, mùi nước sông đục, mùi của những thứ đã trôi đi và không bao giờ trở lại. Bà nghe tiếng mái chèo từ xa. Nhịp chèo quen thuộc. Nhịp chèo mà bà đã nghe suốt mấy tháng nay, mỗi lần ông Ba ghé thăm.

Ông Ba chèo ghe lại gần, áo ướt mưa, tóc bạc dính vào trán. Ông nhìn bà, ánh mắt lo lắng, nhưng vẫn cố nở nụ cười hiền như mọi khi.

- Tư, bà kêu tui ra đây có chuyện gì không?

Bà Tư không trả lời ngay. Bà nhìn xuống nước. Nước đục ngầu, xoáy nhẹ, như đang nuốt từng mảng lục bình. Bà thấy mình giống mấy mảng lục bình đó trôi nổi, không bám được vào đâu. Cuối cùng, bà nói. Giọng nhỏ, nhưng đủ để ông Ba nghe rõ từng chữ:

- Thôi ông Ba, mình đừng gặp nhau nữa.

Ông Ba sững người. Mái chèo rơi xuống nước. Ông nhìn bà, mắt đỏ hoe:

- Sao vậy Tư?

Bà nuốt nước bọt, cổ họng nghẹn lại:

- Người ta nói nhiều quá. Con ông cũng không chịu. Tui nghèo tui không muốn ông mang tiếng.

Ông Ba bước lên bờ, đứng trước mặt bà. Ông run. Không phải vì lạnh. Mà vì sợ. Sợ mất bà lần nữa và lần này, ông biết mình không còn đủ tuổi để chờ thêm mấy chục năm. Giọng ông nghẹn lại:

- Tư ơi, tui sống tới chừng này tuổi rồi, tiếng đời tui nghe đủ rồi. Tui chỉ sợ mất bà.

Bà quay mặt đi. Nước mắt rơi xuống, hòa vào nước mưa. Bà nói, giọng run như lá chuối gặp gió:

- Ông đừng nói vậy. Tui không chịu nổi đâu.

Ông Ba đưa tay ra, nắm lấy tay bà. Bàn tay ông ấm, bàn tay bà lạnh. Hai cái lạnh nóng chạm nhau, nhưng vẫn không hòa được.

- Tư để tui thương bà, được không?

Bà rút tay lại, như thể bàn tay ông nóng quá, có thể làm bà yếu lòng:

- Tui sợ tui làm khổ ông.

Bà cắn môi đến bật máu. Bà muốn ôm ông. Muốn nói "Tui thương ông". Muốn nói "Tui cần ông". Nhưng bà không dám. Người nghèo thương ai cũng sợ. Sợ làm người ta khổ. Sợ bị nói. Sợ bị xem thường. Bà nói, giọng như gió sắp tắt:

- Ông về đi. Tui xin ông đó.

Rồi bà bước đi không quay lại, không dừng lại, không cho ông Ba một cơ hội níu kéo. Ông Ba đứng đó, giữa bến sông, giữa trời mưa, giữa những mảng lục bình trôi. Ông không gọi theo. Không chạy theo. Ông chỉ đứng im, như một gốc cây bị bão quật, không gãy nhưng rỗng ruột. Mưa rơi nặng hạt. Nước sông dâng lên, lục bình trôi nhanh hơn, ông Ba nhìn theo bóng bà Tư khuất dần trong màn mưa. Và trong khoảnh khắc đó, ông biết mình vừa mất bà lần thứ hai. Và lần này có thể là mãi mãi.

Sau buổi chiều cay đắng ở bến sông, ông Ba chèo ghe về nhà giữa lúc trời đổ trận mưa đông trắng xóa đồng bãi. Tiếng mưa ném trên mái tôn rầm rập như trống trận, nhưng lòng ông lại im lìm như một vũng nước đọng. Căn nhà ngói đỏ vốn dĩ là niềm hãnh diện giàu sang ở xứ Thông Giồng này, sao hôm nay lạnh lẽo quá chừng. Ông ngồi xuống bộ ván gỗ bằng gỗ trắc đen bóng, tay chân run bần bật. Không phải run vì ngấm nước mưa, mà vì cái khoảng trống hụt hẫng trong ngực. Đời ông mất bà Tư hai lần. Lần đầu là hồi tóc còn xanh, ông nghe lời cha mẹ đi cưới người cùng vai vế. Lần này là lúc tóc đã bạc da mồi, bà nghe lời thiên hạ mà bỏ ông đi lần nữa. Ông không bật đèn. Trong bóng tối đặc quánh mùi gỗ cũ và hơi ẩm, chỉ có ánh chớp ngoài trời lâu lâu rạch ngang, soi rõ gương mặt ông một gương mặt già nua, mệt mỏi và rỗng tuếch như chiếc ghe mục bị bỏ lại trên bãi bồi lúc nước rút. Đêm đó, ông không ngủ. Ông sợ nhắm mắt lại sẽ thấy cảnh bà quay lưng, thấy bóng chiếc áo bà ba màu tro nhạt nhòa trong màn mưa.

Sáng hôm sau, cái bếp lò trong nhà ông Ba lạnh ngắt. Con chó vện nằm trước hiên sủa râm ran mà không thấy chủ ra mở cửa. Ông Ba đổ bệnh. Cơn sốt cao khiến người ông nóng như lửa đốt nhưng tay chân lại lạnh ngắt như nước sông mùa rông. Trong cơn mê sáng, ông không gọi tên con, cũng không nhắc chuyện đất đai tiền bạc. Ông chỉ thều thào bằng giọng khàn đặc: "Tư ơi... Đừng bỏ tui mà Tư... Tội nghiệp tui bà ơi..." Tiếng gọi nghe thất thểu như tiếng chim bìm bịp kêu chiều, làm mấy bà hàng xóm ghé qua thăm cũng phải quay mặt đi lau nước mắt. Tin ông Ba bệnh "tương tư" lan nhanh hơn con nước đổ. Con cái ông từ Sài Gòn, Cần Thơ

vội vã chạy về. Chúng đứng quanh giường, nhìn người cha vốn cứng cõi như cây tràm gió nay chỉ còn là một hình hài khô héo. Vị bác sĩ già trong xóm khám xong, chỉ thở dài:

- Cái này là tâm bệnh. Người già mà buồn sâu thì thuốc tiên cũng không cứu nổi. Các con coi sao chớ để vậy là ông đi theo bà nhà thiệt đó.

Con gái ông Ba người từng gay gắt nhất đứng nhìn cha mà lòng đau như muối xát. Nó nhớ lại những lời lẽ sắc mỏng như dao lam mà nó đã dành cho bà Tư, nhớ cái nhìn khinh khi dành cho người đàn bà nghèo khó. Nó tưởng nó bảo vệ danh giá cho gia đình, ngờ đâu nó đang bóp nghẹt sự sống cuối cùng của cha mình.

Bà Tư hay tin khi đang dở tay xắt rổ rau muống cho vịt ăn. Cái rổ rơi xuống đất, rau văng tung tóe. Bà không kịp xỏ đôi dép tổ ong cũ, cứ thế chân trần chạy băng qua con đường đất lầy lội, qua những rặng dừa nước đang oằn mình trong gió chướng. Bà không biết tui con ông Tư có cho bà vô thăm không, nhưng thôi kệ nó đi, nếu không thì mình cũng có lòng với ông, dù sao cũng còn tình nghĩa, dù chỉ một lần nắm tay. Khi bà đến cửa nhà ngói đỏ, những đứa con của ông Ba không còn dựng hàng rào ngăn cách nữa. Đứa con gái bước tới, nắm tay bà Tư, giọng nghẹn ngào:

- Cô Tư... Cô vô với ba con đi. Tui con sai rồi. Ba con chỉ cần mình cô thôi.

Bà Tư bước vào, chân bà run, tim bà đập loạn nhịp. Bà ngồi xuống cạnh giường, bàn tay thô ráp vì làm lụng nắm lấy bàn tay gầy guộc của ông. Bà ghé sát tai ông, hơi thở run rẩy:

- Ông Ba... tui đây. Tui về rồi nè. Đừng ngủ nữa, dậy tui nấu canh chua cá linh cho ông ăn.

Kỳ diệu thay, đôi mắt ông Ba từ từ mở ra. Ánh mắt ông sáng lên như ngọn đèn dầu vừa được châm thêm bấc, long lanh giọt nước mắt lăn dài xuống thái dương bạc trắng.

Xóm Thông Giông một tuần sau đó nhận nhịp lạ thường. Người ta không còn xầm xì về "bà già ham giàu" hay "ông già đồ đốn" nữa. Người miền Tây là vậy, miệng đời có khi bén nhọn nhưng cái tâm lại mềm như bùn non phù sa. Thấy họ thương nhau đến chết đi sống lại, ai mà nỡ độc miệng hoài.

Đám cưới của họ không có rạp cưới rực rỡ, không có nhạc trẻ xập xình. Ông Ba nói:

- Tui mình già rồi, làm rình rang chi bà, miễn sao có miếng trầu cây cau trình ông bà là đủ.

Dưới bóng cây xoài già, mâm cơm đãi họ hàng được bà Tư tự tay chuẩn bị với những món rất mùi đồng nội: Món cá lóc nướng trui cuốn lá sen non, thơm lừng mùi rơm rạ.

- Dĩa bông điên điển xào tép bạc giòn tan, ngọt lịm.
- Tô mắm kho quẹt bốc hơi nghi ngút kèm rau luộc đủ loại.

Đêm đó, trong ánh đèn vàng ấm áp, người ta mời được ông thầy đờn kim về chơi. Tiếng đờn kim thánh thót, quện cùng tiếng đờn cò nỉ non như kể lại câu chuyện của hai con người đi qua gần hết đời người mới tìm thấy lối về. Ông Ba nắm tay bà Tư, ánh mắt lãng mạn hơn cả thanh niên:

- Bà Tư nè, tui với bà như đôi dưa tre, tuy cũ kỹ nhưng mà gặp trúng cái tình mặn nòi. Từ nay, cơm mắm cơm rau gì cũng có tui bên cạnh, bà đừng có hòng mà đi đâu nghe chưa!

Bà Tư cười thẹn thùng, sửa lại vạt áo bà ba mới:

- Ông cứ nói khéo. Tui đây như mảng lục bình, trôi đâu thì trôi chớ hể gặp bến của ông là tui cắm rễ luôn chớ đi đâu nữa.

Sau ngày đó, căn nhà ngói đỏ không còn là một cái hang lạnh lẽo. Mỗi sớm, mùi trà quạnh thơm của ông Ba hòa cùng mùi khói bếp của bà Tư tạo nên cái không khí gia đình ấm sực. Chiều chiều, người ta lại thấy chiếc ghe nhỏ lững lờ giữa dòng sông Hậu lấp lánh nắng vàng. Ông Ba ngồi đằng mũi, bà Tư ngồi đằng sau lái chèo ghe. Lâu lâu, ông lại cất giọng hò một câu vọng cổ khiến cả khúc sông như lặng đi:

"Dòng sông nước chảy xuôi dòng... Thương nhau cho trọn, giữ lòng thủy chung..."

Cuộc đời đã lấy đi của họ cả một thời tuổi trẻ, nhưng lại trả cho họ một tuổi già trọn vẹn đến không ngờ. Họ không cần giàu sang, không cần nhà cao cửa rộng nữa. Hạnh phúc của họ giờ gói gọn trong cái nắm tay thật chặt lúc trái gió trở trời, trong chén trà nóng mỗi sáng và trong lời dặn dò "ông ăn thêm miếng cá", "bà mặc thêm cái áo ấm".

Mùa nước nổi về, lục bình lại nở tím lịm một góc sông. Loài hoa ấy chẳng ai trồng, chẳng ai chăm, cứ trôi dạt bao mùa, chịu bao nắng mưa chao chát, nhưng hể dừng lại ở một bến bình yên là lại nở hoa rạng rỡ. Tình yêu của ông Ba và bà Tư cũng vậy, như sắc tím lục bình, dù muộn màng nhưng vẫn vẹn nguyên cái chất phác, đậm đà của hồn đất miền Tây.

(Trích từ tập truyện ngắn HAI BỜ NỖI NHỚ - Tim Nguyen 2019)

Tim Nguyen